

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2025/HNGĐ – ST**

Ngày: 03 - 12 - 2025

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận;

2. Bà Nguyễn Thị Lê;

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Điều Thị B, sinh ngày: 02/4/1997

Nơi cư trú: thôn 2 – Thống Nh, xã Phước S, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: anh Điều Ngh, sinh ngày: 01/5/1993

Nơi cư trú: thôn 2 – Thống Nh, xã Phước S, tỉnh Đồng Nai

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Điều Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Điều Ngh tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thống Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017, ký ngày 29/5/2017. Quá trình chung sống giữa chị và anh Điều Ngh xảy ra mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do anh Điều Ngh không chịu khó làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt quậy phá, hầu như vợ chồng ngày nào cũng xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Ngoài ra, anh Điều Ngh còn có hành vi bạo lực với chị. Sau này anh Điều Ngh làm giấy cam kết không đánh nữa, thì việc đánh đập chị hạn chế đi nhưng việc mắng chửi, quậy phá đêm hôm thì diễn ra thường xuyên và có nhiều lần hù dọa giết chị. Đến tháng 6, tháng 7 năm 2025

thì chị không thể chịu đựng được nên chị về nhà bố mẹ sinh sống và ly thân cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Điều Ngh.

Về con chung: Có 02 con chung tên Điều Thị Mai H, sinh ngày: 14/7/2014, và Điều H, sinh ngày: 18/11/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu.

Về vấn đề cấp dưỡng: yêu cầu anh Điều Ngh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.0000.000đ.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, chị Điều Thị B giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Điều Ngh, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Đối với cấp dưỡng nuôi còn thì chị Điều Thị B rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị B về việc ly hôn với anh Điều Ngh

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao Điều Thị Mai H, sinh ngày: 14/7/2014 và Điều H, sinh ngày: 18/11/2017 cho chị Điều Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Điều Thị B đề nghị rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị B về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Điều Ngh (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Điều Ngh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Điều Thị B khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thống Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017, ký ngày 29/5/2017. Lời khai của chị Điều Thị B phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 06). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị B và anh Điều Ngh là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Điều Thị B: chị Điều Thị B khai nhận quá trình chung sống giữa chị Điều Thị B và anh Điều Ngh xảy ra mâu thuẫn do anh Điều Ngh không chịu khó làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt quậy phá, hầu như vợ chồng ngày nào cũng xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Ngoài ra, anh Điều Ngh còn có hành vi bạo lực với chị Điều Thị B. Sau này anh Điều Ngh làm giấy cam kết không đánh nữa, thì việc đánh đập chị Điều Thị B hạn chế nhưng việc mắng chửi, quậy phá đêm hôm thì diễn ra thường xuyên và có nhiều lần hù dọa giết chị Điều Thị B. Xét thấy, lời khai của chị Điều Thị B phù hợp với tài liệu chứng cứ chị đã cung cấp. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Điều Thị B và anh Điều Ngh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Điều Ngh đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt xem như tự từ bỏ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Điều Thị B đối với anh Điều Ngh.

[4] Về con chung: chị Điều Thị B khai nhận anh chị có 02 con chung tên là Điều Thị Mai H, sinh ngày: 14/7/2014 và Điều H, sinh ngày: 18/11/2017. Lời khai của chị Điều Thị B phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, cháu Điều Thị Mai H và Điều H còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Xét thấy, thời gian vừa qua hai cháu do chị Điều Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu Điều Thị Mai H và cháu Điều H có nguyện vọng được mẹ (chị Điều Thị B) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (bl số 22,23). Mặt khác, chị Điều Thị B đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định môi trường sống của 02 cháu, đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện, ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị Điều Thị B, giao cháu Điều Thị Mai H và Điều H cho chị Điều Thị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện chị Điều Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Điều Ngh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Điều Thị B đề nghị rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị Điều Thị B là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị B về việc cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này chị Điều Thị B khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Điều Thị B phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị B. Chị Điều Thị B được ly hôn với anh Điều Ngh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017, ký ngày 29/05/2017 của Ủy ban nhân dân xã Thống Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao cháu Điều Thị Mai H, sinh ngày: 14/7/2014, và Điều H, sinh ngày: 18/11/2017 cho chị Điều Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị B về việc cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này chị Điều Thị B khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác;

4. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Điều Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0029852 lập ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2025). Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh